

Bản án số: 06/2024/DS - ST  
Ngày: 23 - 9 - 2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Thái Thiên Lương;
- Ông Trần Xuân Thuận.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Không.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2024/TLST - TCDS ngày 19/7/2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST- DS ngày 09/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đặng Ngọc L**, sinh năm: 1993; Nơi cư trú: **thôn K, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình**, có mặt.

- Bị đơn: Chị **Phạm Thị L1**; nơi cư trú : **Thôn X, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình**, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2024, bản tự khai, biên bản hòa giải phía nguyên đơn anh **Đặng Ngọc L** trình bày:

Ngày 20/3/2023, chị **Phạm Thị L1** có vay của anh **L** số tiền 257.000.000 đồng, tiền lãi 2.300.000đ/tháng (tương đương lãi suất 0,9%) và trả lãi vào ngày 20 hàng tháng, còn số tiền gốc sẽ thanh toán đầy đủ cho anh **L** vào ngày 20/3/2025. Tính từ

ngày 20/9/2023 cho đến nay chị **L1** mới trả được số tiền 7.600.000 đồng tiền lãi (20/9/2023 đến 30/12/2023). Từ tháng 01 năm 2024 cho đến nay chị **L1** không thực hiện đúng nghĩa vụ như đã thỏa thuận. **Anh L2** đã nhiều lần yêu cầu chị **L1** trả tiền đúng cam kết nhưng chị **L1** cố tình trốn tránh trách nhiệm. Vì chị **L1** đã vi phạm hợp đồng về thỏa thuận trả tiền lãi nên anh **L2** phải chấm dứt hợp đồng vay tiền với chị **L1** và chị **L1** phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi cho anh **L2**. Do đó anh **L2** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị **L1** phải trả cho anh **L2** số tiền 272.000.000 đồng. Trong đó số tiền gốc là 257.000.000 đồng và tiền lãi còn thiếu từ ngày 20/9/2023 cho đến ngày khởi kiện là 15.400.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn nhận thấy điều kiện kinh tế gia đình hiện nay của chị **L1** gặp nhiều khó khăn nên thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó anh **L2** chỉ yêu cầu chị **L1** trả số nợ gốc là 257.000.000 đồng, không yêu cầu chị **L1** trả phần nợ lãi theo cam kết của các bên xác lập tại “Giấy vay tiền” ngày 20/9/2023.

*Tại bản tự khai ngày 21/8/2024 và biên bản hòa giải ngày 21/8/2024 và tại phiên tòa bị đơn chị **Phạm Thị L1** trình bày:*

Chị **L1** thừa nhận ngày 20/9/2023 giữa chị **L1** và anh **Đặng Ngọc L** có xác lập “Giấy vay tiền”, theo đó chị **L1** mượn của anh **L** số tiền 257.000.000 đồng và lãi xuất theo thỏa thuận trong giấy vay tiền.

Tại phiên tòa, chị **L1** đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh **L** về số nợ 257.000.000 đồng. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế gia đình quá khó khăn nên hiện tại chị **L1** không có khả năng để trả nợ cho anh **L**. Chị **L1** có nguyện vọng trả dần số nợ trên với phương thức 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng/ tháng cho đến khi trả hết số nợ trên.

Tại phiên tòa, các bên đương sự không thống nhất được phương thức giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 20/9/2023 giữa anh **Đặng Ngọc L** và chị **Phạm Thị L1** đã xác lập quan hệ dân sự về việc vay, mượn tiền, có lập thành văn bản, có thỏa thuận thời hạn trả nợ và thỏa thuận về lãi suất. Do chị **L1** vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 19/7/2024 anh **L** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị **L1** phải hoàn trả toàn bộ số nợ như đã giao kết. Chị **Phạm Thị L1** có hộ khẩu cư trú tại **xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình** nên xác định đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của



Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Những nội dung các bên đương sự thỏa thuận, thống nhất được:

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đã thống nhất với nhau về việc có xác lập quan hệ về việc vay tài sản. tại phiên tòa, nguyên đơn anh **Đặng Ngọc L** thay đổi một phần yêu cầu kiện, theo đó chỉ yêu cầu Tòa án buộc chị **Phạm Thị L1** phải trả số nợ gốc 257.000.000 đồng và không yêu tiền lãi như đã giao kết. Bị đơn chị **Phạm Thị L1** đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh **Đặng Ngọc L**.

Những nội dung các bên đương sự không thỏa thuận được:

Nguyên đơn anh **Đặng Ngọc L** yêu cầu chị **Phạm Thị L1** phải trả một lần hết toàn bộ số nợ gốc là 257.000.000 đồng. Bị đơn chị **Phạm Thị L1** do điều kiện kinh tế gia đình quá khó khăn nên không có khả năng để trả nợ cho anh **L**. Chị **L1** có nguyện vọng trả dần số nợ trên với phương thức 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng/ tháng cho đến khi trả hết số nợ trên.

Tại phiên tòa, các bên thống nhất nội dung vay tiền như đã giao kết tại “Giấy vay tiền” xác lập ngày 20/9/2023. Bị đơn đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời khai và trình bày của các đương sự phù hợp với các tài liệu chứng cứ do các bên cung cấp. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Đặng Ngọc L** yêu cầu bị đơn chị **Phạm Thị L1** trả nợ số tiền gốc 257.000.000 đồng là có cơ sở, cần chấp nhận.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu tòa bộ án phí có giá ngạch là: 257.000.000 đồng x 5% = 12.850.000 đồng (*Mười hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trả lại cho nguyên đơn anh **Đặng Ngọc L** số tiền tạm ứng án phí 6.810.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm mười nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa theo biên lai số 0000121 ngày 19/7/2024.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 116, Điều 117, Điều 119; Điều 463, Điều 465; Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử;

1. Chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Đặng Ngọc L** đối với bị đơn chị **Phạm Thị L1** về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bị đơn chị **Phạm Thị L1** phải trả cho nguyên đơn anh **Đặng Ngọc L** số tiền: 257.000.000 đồng (*Hai trăm năm bảy triệu đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc chị **Phạm Thị L1** phải chịu: 12.850.000 đồng (*Mười hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trả lại cho nguyên đơn anh **Đặng Ngọc L** số tiền tạm ứng án phí 6.810.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm mười nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa theo biên lai số 0000121 ngày 19/7/2024.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/9/2024).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(đã ký)

**Trần Anh Tuấn**

